

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 188/2025/DS-ST

Ngày 05/12/2025

v/v *Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

2. Ông Phan Văn Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 10 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2025 và thông báo về việc mở lại phiên tòa số 04/TB-TA ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S có ngay.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là Số A, N, phường T, tỉnh Nghệ An).

Đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Minh Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Nai.

Theo giấy uỷ quyền số 01/LT-2024/UQ-SVN ngày 20/4/2024 của Công ty Cổ phần S có ngay.

- **Bị đơn:** Bà Dương Thị Ngọc H, sinh năm 1997.

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp T, xã P,

tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần S có ngay (sau đây gọi tắt là “Công ty”) có đại diện theo ủy quyền là ông Trương Minh Đ trình bày:

Công ty Cổ phần S có ngay đính chính nội dung theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2024 sau: “Hợp đồng cầm cố số LTM221201002NA21X ký ngày 07/01/2023 và giấy mượn xe ký ngày 07/01/2023.”

Được sửa đổi như sau: “Hợp đồng cầm cố số LTM221201002NA21X ký ngày 07/12/2022 và giấy mượn xe ký ngày 07/12/2022.”

Ngày 07/12/2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 (nay là Công ty Cổ phần S có ngay theo Giấy phép kinh doanh lần thứ 6 ngày 11/10/2023) và bà Dương Thị Ngọc H có ký kết Hợp đồng cầm cố số LTM221201002NA21X, cụ thể nội dung như sau:

Bà Dương Thị Ngọc H có cầm cố tài sản xe máy biển số: 60C2-833.41, Loại xe: HONDA SH mode 125cc, Số khung: RLHJK0118MZ614740, Số máy: JK01E0128587, Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 001246 do Công an huyện N cấp ngày 05/4/2021 cho Công ty Cổ phần S có ngay – chi nhánh L và đăng ký biên giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ1 Giaodichdambao/botuphap số: 1482846333 theo website: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> Số tiền cầm cố tài sản: 16,500,000 đồng; Thời hạn cầm cố: 18 tháng; gốc, lãi, phí trả hàng tháng 01 lần vào ngày 07 tây; Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận như sau: Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng; Phí hao mòn tài sản khi mượn tài sản đúng hạn là 330.000 đồng và trễ hạn là 495.000 đồng; Mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Sau khi Công ty đã giải ngân cho bà Dương Thị Ngọc H số tiền vay 16,500,000 đồng thì bà H chỉ mới thanh toán cho công ty tổng số tiền đến ngày 07/8/2023 là 8.161.049 đồng. Trong đó tiền gốc là 6,418,345 đồng, tiền lãi là 1.198.109 đồng và tiền phí 544.595 đồng, sau đó không thanh toán cho Công ty khoản tiền nào nữa và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến trực tiếp nhà bà Dương Thị Ngọc H tại địa chỉ ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nay là ấp T, xã P, tỉnh Đồng Nai. Công ty đã tạo nhiều điều kiện về thời gian cho bà Dương Thị Ngọc H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của công ty để đảm bảo cho khoản cầm cố của bà Dương Thị Ngọc H với công ty. Nhưng bà Dương Thị Ngọc H vẫn không hợp tác, cố ý lẩn tránh không thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký và không bàn giao tài sản cầm cố mà bà Dương Thị Ngọc H đã mượn của công ty theo giấy mượn xe ngày

07/12/2022. Khoản vay của bà Dương Thị Ngọc H đã quá hạn thanh toán từ ngày 07/8/2023 đến nay ngày 05/12/2025 là 851 ngày.

Ngày 22/9/2025, Công ty Cổ phần S có ngay thay đổi một phần yêu cầu buộc bà Dương Thị Ngọc H phải trả lại chiếc xe máy biển số: 60C2-833.41, Loại xe: HONDA SH mode 125cc, Số khung: RLHJK0118MZ614740, Số máy: JK01E0128587, Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 001246 do Công an huyện N cấp ngày 05/4/2021 cho Công ty.

Nay Công ty Cổ phần S tiền có ngay đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc bà Dương Thị Ngọc H phải thanh toán ngay cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền: 20.245.372 đồng (hai mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi hai) tính đến ngày 05/12/2025 bao gồm:

+ Tiền gốc còn lại chưa trả: 10.081.654 đồng.

+ Tiền lãi quá hạn (gốc còn lại x 1.65%/30) x số ngày khách trễ)
(10.081.654 x 1.65%/30) x 851): 4.718.718 đồng.

+ Phí bảo dưỡng và hao mòn (495,000 x 11 tháng) : 5,445,000 đồng.

Ngoài ra ông/bà Dương Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu lãi suất, lãi quá hạn và các loại phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 05/12/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Công ty Cổ phần S đồng ý trả lại cho bà Dương Thị Ngọc H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy xe mô tô số: 001246 do Công an huyện N cấp ngày 05/4/2021 ngay khi bà Dương Thị Ngọc H thanh toán xong các khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Dương Thị Ngọc H nhưng bà Dương Thị Ngọc H không có văn bản trình bày ý kiến nào khác, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S tiền có ngay.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp đúng quy định pháp luật, thời hạn đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự, và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Tất cả các đương sự đều vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, các quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bà Dương Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự trong vụ án dân sự. Những kiến nghị khác phục vi phạm là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Cổ phần S có ngay (*sau đây gọi tắt là “Công ty”*) khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Dương Thị Ngọc H phải thanh toán nợ theo hợp đồng cầm cố hai bên đã ký kết. Hiện bà Dương Thị Ngọc H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Ấp T, xã V, huyện N, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp T, xã P, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai). Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

[1.2] Về tư cách đương sự trong vụ án: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định Công ty Cổ phần S có ngay là nguyên đơn; bà Dương Thị Ngọc H là bị đơn.

[1.3] Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S có ngay có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Dương Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần S có ngay và bà Dương Thị Ngọc H.

[1.4] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu xử lý tài sản cầm là 01 xe gắn máy biển kiểm soát: 60C2-833.41, Loại xe: HONDA SH mode 125cc, Số khung: RLHJK0118MZ614740, Số máy: JK01E0128587, Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 001246 do Công an huyện N cấp ngày 05/4/2021 để thu hồi nợ, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Thị Ngọc H thanh toán nợ tổng số tiền là 20.245.372 đồng (hai mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi hai). Trong đó: Tiền gốc còn lại chưa trả là 10.081.654 đồng; T lãi quá hạn là 4.718.718 đồng (trễ hạn 851 ngày tính từ ngày 07/8/2023 đến ngày 05/12/2025); Phí bảo dưỡng và hao mòn (11 tháng) là 5,445,000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký kết từ ngày 06/12/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho công ty.

[2.1] Xét thấy, bà Dương Thị Ngọc H có ký kết với chi nhánh L – Công ty Trách nhiệm hữu hạn S1 nay là Công ty Cổ phần S có ngay bằng hợp đồng cầm cố tài sản số LTM221201002NA21X giải ngân ngày 07/12/2022 và phụ lục hợp đồng cầm cố. Đăng ký biện pháp giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ1 số 1482846333 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>Theo đó, các bên thỏa thuận là bà Dương Thị Ngọc H cầm cố theo hợp đồng được ký cụ thể như sau: 01 xe gắn máy hai bánh biển kiểm soát: 60C2-833.41; Loại xe:

HONDA – SH MODE màu: BẠC ĐEN; Số khung: RLHJK0118MZ614740 - số máy: JK01E0128587; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 002414, do Công an tỉnh Đ cấp ngày 05/04/2021 để vay số tiền 16.500.000 đồng (Bằng chữ: Mười sáu triệu năm trăm ngàn đồng) với mục đích giải ngân: vay tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Thời hạn cầm cố: 18 tháng, từ ngày 07/12/2022 đến ngày 07/06/2024; Lãi suất cầm cố: 1,1% số tiền cầm cố/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất của số tiền nợ gốc quá hạn, tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phí quản lý hồ sơ 0,5% số tiền cầm cố /tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Dương Thị Ngọc H có xác nhận nợ và thanh toán một phần tiền gốc. Xét thấy, đây là hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117, 309, 310 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện

Trong quá thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản, bà H đã thanh toán một phần số tiền gốc 6.418.345 đồng và các khoản tiền lãi, phí. Từ ngày 07/8/2023 đến nay ngày 05/12/2025 bà H không tiếp tục thanh toán bất khoản tiền nào, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận. Do đó, yêu cầu của nguyên về số tiền bà H phải thanh toán là 20.245.372 đồng (hai mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi hai). Trong đó: Tiền gốc còn lại chưa trả là 10.081.654 đồng; T lãi quá hạn là 4.718.718 đồng (trễ hạn 851 ngày tính từ ngày 07/8/2023 đến ngày 05/12/2025); Phí bảo dưỡng và hao mòn (11 tháng) là 5,445,000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký kết từ ngày 06/12/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho công ty là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 280, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Để đảm bảo cho khoản nợ vay, cùng ngày 07/12/2022 hai bên có ký giấy mượn xe. Nội dung giấy mượn xe thỏa thuận thời hạn mượn xe từ ngày 07/12/2022 đến ngày 07/01/2023; Thanh toán phí mượn xe là Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 495,000 đồng/tháng; trong trường hợp thanh toán đúng hạn là: 330,000 đồng/tháng. Quá thời hạn mượn xe nêu trên mà bà Dương Thị Ngọc H vẫn không trả lại xe cho chi nhánh của Công ty thì bà H vẫn chịu phí bảo dưỡng và hao hao mòn xe theo thỏa thuận này. Do đó, công ty yêu cầu bà Dương Thị Ngọc H phí bảo dưỡng và hao mòn do mượn lại xe 11 tháng (từ ngày 07/01/2023) 5.445.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 494, 496 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn Công ty không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Căn cứ các Điều 117, 309, 310, 311, 312, 314, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Tuyên xử:

[1.] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S có ngay

Buộc bà Dương Thị Ngọc H trả cho Công ty tổng số tiền 20.245.372 đồng (hai mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi hai). Trong đó: Tiền gốc còn lại chưa trả là 10.081.654 đồng; Tiền lãi quá hạn là 4.718.718 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn là 5,445,000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký kết từ ngày 06/12/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho công ty.

Kể từ ngày 06/12/2025, bà Dương Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp cầm cố đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.] Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm 1.012.269 đồng (Một triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 431.795 đồng (Bốn trăm ba mươi một nghìn bảy trăm chín lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0022012 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Đồng Nai).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3.] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 2 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Oanh